

# GIỚI THIỆU CHUNG



Xem từ trang 7 tới 14



Dạng thuần

## MỘT CHÂN RĂNG NHÂN TẠO

Giống như một chân răng thật, implant Natura với hình dạng thuôn, giúp phân tán lực tác động theo chiều ngang tốt hơn (theo Legall và Call, 2000), gần giống như một chân răng thật.

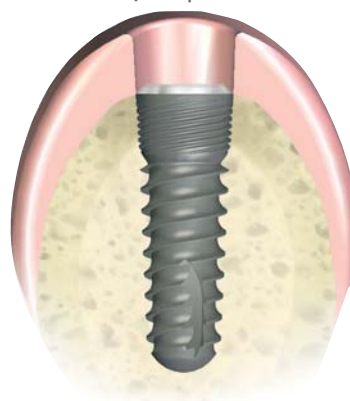
Rất thích hợp khi thay thế chân răng thật bằng implant sau khi nhổ răng, implant dạng thuôn thích hợp trong trường hợp đặt implant gần những chân răng nghiêng, gần xoang, hay gần những implant khác.

Hình thuôn cũng giúp quá trình đặt implant dễ dàng hơn (1/3 đầu của implant có thể vặn trực tiếp), tốn ít lực hơn vì không cần tạo ren trước khi đặt implant: lớp xương vỏ sẽ ít bị tác động và sinh nhiệt khi vặn hết chiều dài implant, đồng thời giúp quá trình lành thương nhanh.

### DỄ DÀNG THỰC HIỆN QUI TRÌNH PHẪU THUẬT

Implant Natura 3mm với phần cổ thẳng có thể sử dụng trong trường hợp xương mỏng hoặc không đủ khoảng cách. Dễ làm phục hình. Giúp giữ lại bột xương và tránh bị tiêu xương.

Vị trí  
đặt implant



### HÌNH THUÔN & ĐỘ LƯU GIỮ

Hình dạng thuôn của implant giúp nén xương tốt, cùng với phần cổ implant tiếp xúc với xương tạo nên độ lưu giữ tốt cho implant. Implant với phần thân thuôn và mở rộng ở phần cổ làm tăng mật độ xương quanh implant.

Độ lưu giữ này được tối ưu hóa tùy vào mật độ xương (loại xương) khác nhau.

Implant được lưu giữ tốt cũng nhờ sự đồng bộ hóa của 2 dạng ren trên thân implant: ren to và ren nhuyễn.

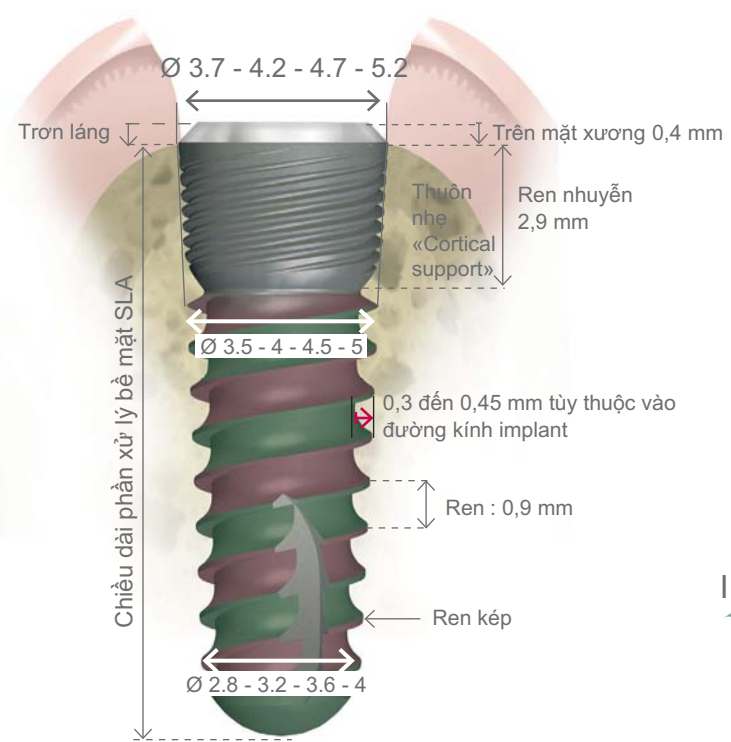


THÔNG SỐ KỸ THUẬT

(Xem từ trang 7 đến trang 14)

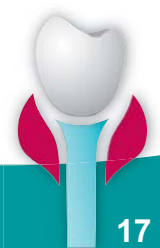
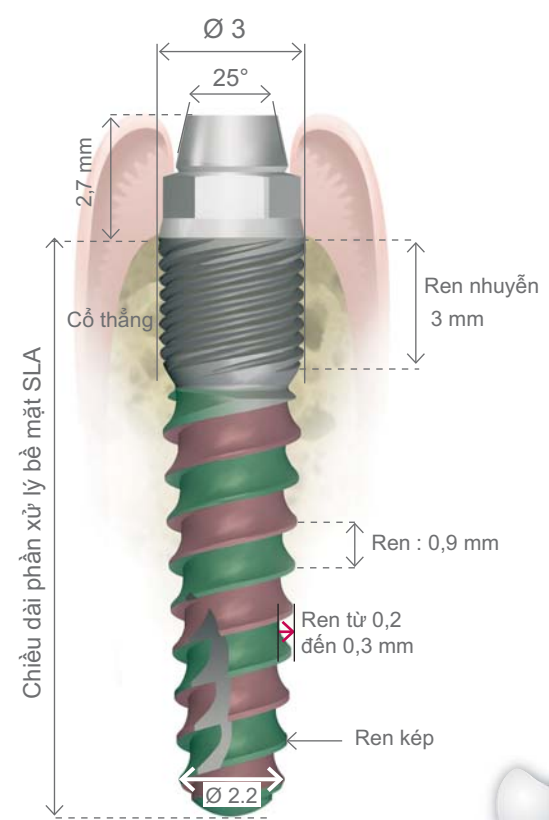
IMPLANTS

Ø 3,5 - 4 - 4,5 - 5



IMPLANT

Ø 3



# THAM KHẢO

## Implant Ø3 (PURE TITANIUM T60 GRADE IV)

Chiều dài L	● Ø 3
8 mm	NIC 30 080
10 mm	NIC 30 100
12 mm	NIC 30 120
14 mm	NIC 30 140



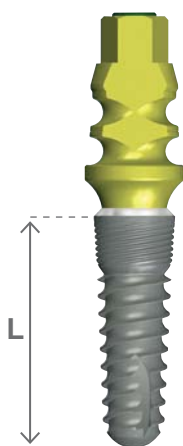
Đóng gói kèm implant holder với 3 chức năng: dụng cụ giữ implant + phục hình tạm + impression coping pop in



⚠ Không sử dụng ốc của implant-holder làm abutment tạm. Sử dụng ốc cố định của abutment titanium.

## Implant Ø3,5 -> Ø5 (PURE TITANIUM T60 GRADE IV)

Đóng gói kèm implant holder với 3 chức năng: dụng cụ giữ implant + phục hình tạm + impression coping pop in



Chiều dài L	● Ø 3,5	● Ø 4	● Ø 4,5	● Ø 5
8 mm	NIC 35 080	NIC 40 080	NIC 45 080	NIC 50 080
10 mm	NIC 35 100	NIC 40 100	NIC 45 100	NIC 50 100
12 mm	NIC 35 120	NIC 40 120	NIC 45 120	NIC 50 120
14 mm	NIC 35 140	NIC 40 140	NIC 45 140	NIC 50 140

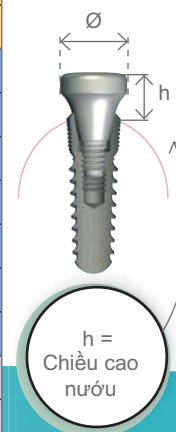
⚠ Không sử dụng ốc của implant-holder làm abutment tạm. Sử dụng ốc cố định của abutment titanium. ----->

Con ốc cố định	
Implant	Mã số
Ø 3	NVP 30
Ø 3,5	NVP 35
Ø 4 - 4,5 - 5	NVP 4X

## Healing abutment (TITANIUM)

Implant	Ø abutment (mm)	Chiều cao trên mặt xương «h» (mm)	Mã số
● Ø 3	3,55	5,6	NPV CPC 35
● Ø 3,5 NP	4,6	2,3	NCI 46 23
		3,4	NCI 46 34
		4,5	NCI 46 45
● Ø 4 ● Ø 4,5 RP	5,1	2,3	NCI 51 23
		3,4	NCI 51 34
		4,5	NCI 51 45
	5,8	2,3	NCI 58 23
		3,4	NCI 58 34
		4,5	NCI 58 45
● Ø 5 WP	5,8	4,5	NCI 58 54
		2,3	NCI 58 36
		3,4	NCI 58 45
		4,5	NCI 58 54

Lực siết 10N.



h =  
Chiều cao  
nướu